

LUẬT
DẪN ĐỘ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Dẫn độ.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong dẫn độ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dẫn độ* là việc Việt Nam chuyển giao cho nước ngoài hoặc nước ngoài chuyển giao cho Việt Nam người có hành vi phạm tội hoặc người bị kết án hình sự đang có mặt trên lãnh thổ nước mình để nước tiếp nhận truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành hình phạt đối với người đó.

2. *Người bị yêu cầu dẫn độ* là người có hành vi phạm tội hoặc người bị kết án hình sự ở nước yêu cầu dẫn độ mà pháp luật của nước đó và nước được yêu cầu dẫn độ cùng quy định hành vi đó cấu thành tội phạm.

Điều 4. Áp dụng pháp luật và nguyên tắc dẫn độ

1. Dẫn độ được thực hiện theo quy định của Luật này; trường hợp Luật này không quy định thì áp dụng quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, pháp luật về thi hành án hình sự và quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

2. Dẫn độ được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau đây:

a) Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi; phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Trường hợp Việt Nam và nước ngoài không cùng là thành viên của điều ước quốc tế về dẫn độ thì việc dẫn độ được thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế.

Điều 5. Áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ

1. Việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Tuân thủ nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật này;

b) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có cam kết bằng văn bản về việc thực hiện yêu cầu của Việt Nam trong trường hợp tương tự. Trường hợp Việt Nam là nước yêu cầu dẫn độ, Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về dẫn độ có cam kết bằng văn bản về việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại;

c) Phù hợp với thực tiễn và nhu cầu hợp tác về dẫn độ giữa Việt Nam và nước ngoài.

2. Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về dẫn độ căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này quyết định việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ. Trường hợp cần thiết, Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về dẫn độ lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan trước khi quyết định.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 6. Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về dẫn độ

1. Bộ Công an là Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về dẫn độ.

2. Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về dẫn độ có trách nhiệm làm đầu mối trao đổi thông tin, tài liệu liên quan đến dẫn độ; hướng dẫn, lập, gửi và tiếp nhận hồ sơ yêu cầu dẫn độ; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xem xét, giải quyết yêu cầu dẫn độ của Việt Nam và của nước ngoài; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện dẫn độ; thực hiện nhiệm vụ,

quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về dẫn độ và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 7. Các trường hợp có thể bị dẫn độ

1. Người có thể bị dẫn độ là người có hành vi phạm tội mà pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài quy định hình phạt tù có thời hạn từ 01 năm trở lên, tù chung thân hoặc tử hình hoặc đã bị tòa án của nước yêu cầu dẫn độ xử phạt tù mà thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với người đó còn lại ít nhất 06 tháng.

2. Hành vi phạm tội của người được quy định tại khoản 1 Điều này không nhất thiết phải thuộc cùng một nhóm tội hoặc cùng một tội danh, các yếu tố cấu thành tội phạm không nhất thiết phải giống nhau hoàn toàn theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.

3. Trường hợp nước ngoài yêu cầu dẫn độ liên quan đến người có nhiều hành vi phạm tội, trong đó mỗi hành vi cấu thành một tội phạm theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài và có ít nhất một hành vi đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 của Điều này thì Việt Nam có thể đồng ý dẫn độ người đó. Trường hợp Việt Nam là nước yêu cầu dẫn độ, Bộ Công an đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đồng ý dẫn độ với các trường hợp tương tự.

4. Trường hợp hành vi phạm tội của người được quy định tại khoản 1 Điều này xảy ra ngoài lãnh thổ của Việt Nam thì việc dẫn độ người đó có thể được thực hiện nếu pháp luật Việt Nam quy định hành vi đó là hành vi phạm tội.

Điều 8. Hình thức và cách thức chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ

1. Yêu cầu dẫn độ được lập bằng văn bản.

2. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ được chuyển qua kênh ngoại giao hoặc Bộ Công an. Việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ yêu cầu dẫn độ có thể được tiến hành trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 9. Ngôn ngữ trong dẫn độ

1. Trường hợp Việt Nam và nước ngoài cùng là thành viên của điều ước quốc tế về dẫn độ thì ngôn ngữ trong dẫn độ là ngôn ngữ được quy định trong điều ước quốc tế đó.

2. Trường hợp Việt Nam và nước ngoài không cùng là thành viên của điều ước quốc tế về dẫn độ thì hồ sơ, tài liệu yêu cầu dẫn độ, yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ phải kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu dẫn độ, nước được yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ hoặc ngôn ngữ khác mà nước

được yêu cầu dẫn độ, nước được yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ chấp nhận.

3. Cơ quan của Việt Nam có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ, cơ quan có thẩm quyền lập yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải dịch hồ sơ, tài liệu ra ngôn ngữ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 10. Miễn hợp pháp hóa lãnh sự

Hồ sơ yêu cầu dẫn độ, yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ được miễn hợp pháp hóa lãnh sự nếu được ký, đóng dấu bởi người, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 11. Chi phí thực hiện yêu cầu dẫn độ

1. Trường hợp Việt Nam là nước yêu cầu dẫn độ, Việt Nam chi trả các chi phí trong công tác dẫn độ phát sinh từ thời điểm tiếp nhận người bị dẫn độ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp Việt Nam là nước được yêu cầu dẫn độ, Việt Nam chi trả các chi phí trong công tác dẫn độ phát sinh đến thời điểm bàn giao người bị dẫn độ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 12. Kinh phí bảo đảm công tác dẫn độ

Kinh phí cho công tác dẫn độ do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Dẫn độ có điều kiện

1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam phải đáp ứng điều kiện nhất định để đồng ý dẫn độ, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể chấp nhận một phần hoặc toàn bộ điều kiện này trên cơ sở phù hợp với nguyên tắc dẫn độ quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật này.

2. Trường hợp cần yêu cầu nước ngoài đáp ứng điều kiện nhất định để Việt Nam đồng ý dẫn độ, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chấp nhận và cam kết thực hiện điều kiện này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ

1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan đưa ra một trong các thông báo bằng văn bản sau đây:

a) Thông báo không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ nếu người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp không bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc không bị thi hành hình phạt tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự;

b) Thông báo không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này sau khi có ý kiến của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trường hợp Việt Nam yêu cầu nước ngoài không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, Bộ Công an đề nghị nước ngoài cam kết bằng văn bản về nội dung này.

3. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Không truy cứu trách nhiệm hình sự, không thi hành án đối với người bị dẫn độ ngoài tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ; không dẫn độ cho bên thứ ba

1. Người bị dẫn độ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không phải thi hành án tại nước yêu cầu dẫn độ vì một tội khác với tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ được thực hiện trước khi bị dẫn độ hoặc không bị dẫn độ cho bên thứ ba, trừ các trường hợp sau đây:

a) Nước được yêu cầu dẫn độ đã đồng ý trước đó bằng văn bản. Nước được yêu cầu dẫn độ có thể đề nghị gửi các tài liệu và thông tin quy định tại các điều 19, 20, 21 và 22 của Luật này;

b) Người bị dẫn độ đã không ra khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người đó được tự do rời đi, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Thời hạn này không bao gồm thời gian mà người đó không thể ra khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ vì lý do bất khả kháng;

c) Người bị dẫn độ đã tự nguyện quay trở lại sau khi đã rời khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ.

2. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định chi tiết Điều này.

Điều 16. Quá cảnh người bị dẫn độ

1. Việc quá cảnh người bị dẫn độ qua lãnh thổ Việt Nam phải được thông báo trước bằng văn bản đến Bộ Công an để xử lý. Việc đồng ý hoặc từ chối quá cảnh người bị dẫn độ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp được phép quá cảnh, nước đề nghị quá cảnh người bị dẫn độ chịu trách nhiệm quản lý người đó trong thời gian quá cảnh Việt Nam và chịu mọi chi phí quá cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Trường hợp vận chuyển bằng đường hàng không và hạ cánh đột xuất trên lãnh thổ Việt Nam, người bị dẫn độ có thể bị quản lý theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việc quản lý người bị dẫn độ và chi phí có liên quan được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp Việt Nam đề nghị nước ngoài cho phép quá cảnh người bị dẫn độ thì Bộ Công an liên hệ với nước ngoài để thực hiện các thủ tục xin phép quá cảnh.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước về dẫn độ

1. Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

a) Thống nhất quản lý nhà nước về dẫn độ;

b) Báo cáo Quốc hội về công tác dẫn độ trong báo cáo về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật hằng năm.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dẫn độ.

Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định việc ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong công tác dẫn độ.

3. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về dẫn độ.

Tòa án nhân dân các cấp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện các nhiệm vụ về dẫn độ theo quy định của Luật này và luật khác có liên quan.

4. Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan khác có liên quan, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, thực hiện các nhiệm vụ về dẫn độ theo quy định của Luật này và luật khác có liên quan; phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về dẫn độ.

Chương II

DẪN ĐỘ TỪ NƯỚC NGOÀI VỀ VIỆT NAM

Điều 18. Cơ quan của Việt Nam có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ

1. Bộ Công an, cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc để thi hành án.

2. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam

1. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm các tài liệu sau đây:

- a) Văn bản yêu cầu dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật này;
- b) Các tài liệu kèm theo quy định tại Điều 21 hoặc Điều 22 của Luật này.

2. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài được lập thành 03 bộ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Ngôn ngữ được sử dụng để lập hồ sơ theo quy định tại Điều 9 của Luật này.

Điều 20. Văn bản yêu cầu dẫn độ của Việt Nam

1. Văn bản yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài phải có các nội dung sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm lập văn bản yêu cầu dẫn độ;
- b) Tên, địa chỉ và thông tin liên lạc của cơ quan lập yêu cầu dẫn độ;
- c) Tên cơ quan được yêu cầu dẫn độ;
- d) Mục đích của yêu cầu dẫn độ;
- đ) Thông tin về nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu dẫn độ;
- e) Tóm tắt nội dung vụ án là căn cứ đưa ra yêu cầu dẫn độ;
- g) Căn cứ pháp lý để khởi tố vụ án, khởi tố bị can, truy tố, đưa vụ án ra xét xử hoặc thi hành án hình sự;
- h) Thông tin về quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền đã ban hành đối với người bị yêu cầu dẫn độ;
- i) Thông tin về tội danh bị nêu trong yêu cầu dẫn độ và khung hình phạt dự kiến áp dụng đối với người bị yêu cầu dẫn độ hoặc thời gian còn lại người bị yêu cầu dẫn độ phải thi hành án; nội dung điều luật về tội phạm bị yêu cầu dẫn độ;

- k) Các đề nghị của Việt Nam đối với nước được yêu cầu dẫn độ;
- l) Các cam kết của Việt Nam đối với nước được yêu cầu dẫn độ;
- m) Thông tin cần thiết khác (nếu có).

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 21. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam

1. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm các tài liệu sau đây:

- a) Ảnh khuôn mặt của người bị yêu cầu dẫn độ;
- b) Tài liệu xác định nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu dẫn độ;
- c) Quyết định hoặc lệnh của cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan có thẩm quyền khác;
- d) Tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của người bị yêu cầu dẫn độ;
- đ) Nội dung điều luật liên quan đến khởi tố vụ án, khởi tố bị can, truy tố hoặc đưa vụ án ra xét xử; điều luật khác làm rõ yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự;
- e) Tài liệu cần thiết khác (nếu có).

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 22. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để thi hành án của Việt Nam

1. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để thi hành án của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm các tài liệu sau đây:

- a) Các tài liệu quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật này;
- b) Bản án đã tuyên đối với người bị yêu cầu dẫn độ;
- c) Văn bản thông báo về thời gian còn lại người bị yêu cầu dẫn độ phải thi hành án;
- d) Nội dung điều luật liên quan đến việc đưa vụ án ra xét xử và điều luật khác làm rõ yêu cầu dẫn độ để thi hành án;
- đ) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 23. Tiếp nhận, kiểm tra, chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ và bổ sung thông tin, tài liệu

1. Cơ quan lập yêu cầu dẫn độ quy định tại Điều 18 của Luật này có trách nhiệm gửi hồ sơ yêu cầu dẫn độ đến Bộ Công an để kiểm tra tính hợp lệ theo

quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật này, trừ trường hợp cơ quan lập yêu cầu dẫn độ là Bộ Công an.

2. Bộ Công an kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận. Việc tiếp nhận hồ sơ yêu cầu dẫn độ được ghi vào sổ hồ sơ dẫn độ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì Bộ Công an chuyển cho nước ngoài; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản.

3. Trường hợp nước ngoài đề nghị bổ sung thông tin, tài liệu trong hồ sơ yêu cầu dẫn độ, cơ quan lập yêu cầu dẫn độ bổ sung thông tin, tài liệu để trả lời nước ngoài thông qua Bộ Công an, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 24. Tiếp nhận, áp giải người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam

1. Sau khi nhận được quyết định dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan thực hiện việc tiếp nhận, áp giải người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 25. Xử lý trường hợp nước ngoài từ chối yêu cầu dẫn độ của Việt Nam

Đối với vụ án có người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam mà người đó đã trốn ra nước ngoài nhưng nước ngoài từ chối yêu cầu dẫn độ của Việt Nam thì cơ quan lập yêu cầu dẫn độ chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao để yêu cầu nước nơi người phạm tội đang có mặt hoặc nước người phạm tội mang quốc tịch tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương III

DẪN ĐỘ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI

Điều 26. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài

Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam phải thực hiện theo quy định tại các điều 8, 9, 10, 19, 20, 21 và 22 của Luật này.

Điều 27. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài và xác minh địa điểm của người bị yêu cầu dẫn độ

1. Bộ Công an vào sổ hồ sơ dẫn độ và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu dẫn độ theo các điều kiện quy định tại Điều 26 của Luật này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài. Cơ quan

Công an có thẩm quyền tiến hành xác minh địa điểm của người bị yêu cầu dẫn độ đang có mặt tại Việt Nam.

2. Trường hợp hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài không hợp lệ, Bộ Công an trả hồ sơ cho nước ngoài và nêu rõ lý do. Trường hợp cần phải làm rõ hoặc bổ sung thông tin, tài liệu, Bộ Công an yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài bổ sung trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có yêu cầu bổ sung. Sau thời hạn này mà không nhận được thông tin, tài liệu bổ sung thì Bộ Công an gửi trả hồ sơ cho nước ngoài và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp hồ sơ yêu cầu dẫn độ hợp lệ thì Bộ Công an chuyển cho Tòa án nhân dân khu vực nơi người bị yêu cầu dẫn độ đang cư trú, đang bị tạm giữ, đang bị tạm giam, đang chấp hành án phạt tù hoặc đang ở trong cơ sở lưu trú trên địa bàn đó 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ để xem xét, quyết định, đồng thời, chuyển 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực có thẩm quyền.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Tòa án nhân dân nhận, thụ lý, xem xét hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam

1. Khi nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền phải vào sổ giao nhận. Trường hợp hồ sơ yêu cầu không đủ tài liệu theo quy định tại các điều 19, 21 và 22 của Luật này thì trả lại hồ sơ yêu cầu, nêu rõ lý do bằng văn bản.

2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền phải thụ lý và phân công Thẩm phán xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài làm rõ thông tin, bổ sung tài liệu trong hồ sơ yêu cầu dẫn độ qua Bộ Công an. Thời hạn bổ sung thông tin, tài liệu là 30 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu.

4. Trong thời hạn 60 ngày quy định tại khoản 3 Điều này, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền phải ra một trong các quyết định sau đây:

a) Quyết định đình chỉ việc xem xét yêu cầu dẫn độ theo quy định tại khoản 5 Điều này và trả hồ sơ cho Bộ Công an;

b) Quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ khi có đủ các điều kiện theo quy định của Luật này. Quyết định này phải được gửi cho người bị yêu cầu dẫn độ, luật sư hoặc người đại diện hợp pháp của người đó (nếu có).

Các quyết định tại khoản này phải được gửi cho Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

5. Thẩm phán ra quyết định đình chỉ việc xem xét yêu cầu dẫn độ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Không thuộc thẩm quyền;
- b) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài rút yêu cầu dẫn độ;
- c) Người bị yêu cầu dẫn độ đã rời khỏi Việt Nam;
- d) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không bổ sung thông tin, tài liệu trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này;

đ) Lý do khác mà việc xem xét yêu cầu dẫn độ không thể tiến hành được.

6. Khi có quyết định đình chỉ việc xem xét yêu cầu dẫn độ, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài phải lập hồ sơ yêu cầu dẫn độ mới nếu tiếp tục yêu cầu dẫn độ. Việc tiếp nhận, kiểm tra, thụ lý, xem xét hồ sơ yêu cầu dẫn độ được thực hiện lại theo quy định tại Điều này, Điều 26 và Điều 27 của Luật này.

Điều 29. Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền phải mở phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ. Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền hoãn phiên họp không quá 15 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Thẩm phán, Kiểm sát viên vắng mặt vì lý do chính đáng;
- b) Người bị yêu cầu dẫn độ vắng mặt lần thứ nhất vì lý do chính đáng.

Quyết định hoãn phiên họp tại khoản này phải được thông báo ngay cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và người bị yêu cầu dẫn độ, luật sư hoặc người đại diện hợp pháp của người đó (nếu có).

2. Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ do 01 Thẩm phán tiến hành và có sự tham gia của 01 Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

3. Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ được tiến hành theo trình tự sau đây:

- a) Thẩm phán trình bày nội dung hồ sơ của nước yêu cầu dẫn độ và nêu ý kiến về cơ sở pháp lý của việc dẫn độ;
- b) Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân về việc dẫn độ;

c) Luật sư, người đại diện hợp pháp của người bị yêu cầu dẫn độ, người khác có liên quan trình bày ý kiến (nếu có);

d) Người bị yêu cầu dẫn độ trình bày ý kiến.

4. Thẩm phán ra một trong các quyết định sau đây:

a) Quyết định dẫn độ;

b) Quyết định từ chối dẫn độ và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền gửi quyết định đó cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công an, người bị yêu cầu dẫn độ, luật sư hoặc người đại diện hợp pháp của người đó (nếu có).

Điều 30. Thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ

1. Người bị yêu cầu dẫn độ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ của Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền ra quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ. Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền phải gửi hồ sơ dẫn độ và kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Việc kháng cáo phải được Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và những người có liên quan đến kháng cáo trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân phải gửi quyết định kháng nghị cho Tòa án cấp sơ thẩm, người bị yêu cầu dẫn độ, luật sư hoặc người đại diện hợp pháp của người đó trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra quyết định kháng nghị.

2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dẫn độ và kháng cáo, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp tỉnh mở phiên họp xem xét quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ của Tòa án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị. Việc xem xét kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ được tiến hành tại phiên họp do 01 Thẩm phán chủ trì, có sự tham gia của 01 Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Thẩm phán trình bày tóm tắt nội dung hồ sơ yêu cầu dẫn độ, quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ, nội dung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm;

b) Thẩm phán hỏi người bị yêu cầu dẫn độ có thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo hay không; nếu có thì Thẩm phán yêu cầu Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo.

Thẩm phán hỏi Kiểm sát viên có thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị hay không; nếu có thì Thẩm phán yêu cầu người bị yêu cầu dẫn độ, luật sư hoặc người đại diện hợp pháp của người đó trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị;

c) Kiểm sát viên, người bị yêu cầu dẫn độ, luật sư hoặc người đại diện hợp pháp của người đó phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị; Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân về việc xem xét yêu cầu dẫn độ.

3. Thẩm phán ra một trong các quyết định sau đây:

a) Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên quyết định sơ thẩm;

b) Sửa quyết định sơ thẩm;

c) Hủy quyết định sơ thẩm và chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền để xem xét lại;

d) Hủy quyết định sơ thẩm và đình chỉ việc xem xét yêu cầu dẫn độ;

đ) Đình chỉ việc xem xét phúc thẩm.

4. Quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ có hiệu lực pháp luật bao gồm:

a) Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

b) Quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm phải được gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm, Viện kiểm sát cấp sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Bộ Công an, người bị yêu cầu dẫn độ, luật sư hoặc người đại diện hợp pháp của người đó (nếu có).

5. Việc giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không thực hiện thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với trường hợp đã thi hành quyết định dẫn độ.

6. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết Điều này.

Điều 31. Xem xét yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người

1. Trường hợp Bộ Công an nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với cùng một người, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp xem xét, quyết định đáp ứng yêu cầu dẫn độ cho một trong các nước yêu cầu dẫn độ và chuyển 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền để xem xét, quyết định dẫn độ, đồng thời, chuyển 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

2. Khi xem xét yêu cầu dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều này, ngoài các quy định của pháp luật, còn phải xem xét các yếu tố liên quan sau đây:

- a) Quốc tịch và nơi thường trú cuối cùng ở nước ngoài của người bị yêu cầu dẫn độ;
- b) Tính hợp pháp và mức độ phù hợp của yêu cầu dẫn độ;
- c) Thời gian và địa điểm thực hiện tội phạm;
- d) Lợi ích riêng của các nước yêu cầu dẫn độ;
- đ) Mức độ nghiêm trọng của tội phạm;
- e) Quốc tịch của người bị hại;
- g) Khả năng dẫn độ tiếp theo giữa các nước yêu cầu dẫn độ;
- h) Ngày đưa ra yêu cầu dẫn độ;
- i) Các yếu tố khác có liên quan.

3. Trường hợp yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người mà yêu cầu dẫn độ sau được gửi đến khi Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền đã thụ lý yêu cầu dẫn độ trước thì trên cơ sở ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao và Bộ Tư pháp, Bộ Công an có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền đã thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ trước trả lại hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Bộ Công an để tiếp tục xem xét, quyết định.

Tòa án đã thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ trước ra quyết định trả lại hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Bộ Công an và xóa yêu cầu trong sổ thụ lý.

4. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 32. Các biện pháp ngăn chặn để dẫn độ

Để bảo đảm thực hiện yêu cầu dẫn độ, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định của Bộ luật Tố tụng

hình sự ngay sau khi Tòa án nhân dân ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ. Việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ được thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Luật này.

Điều 33. Giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ

1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ theo quy định tại điều ước quốc tế về dẫn độ mà Việt Nam và nước đó cùng là thành viên thì Bộ Công an kiểm tra tính hợp lệ của văn bản yêu cầu giữ người theo quy định tại điều ước quốc tế đó.

Trường hợp văn bản yêu cầu giữ người hợp lệ, Bộ Công an chuyển ngay cho cơ quan Công an có thẩm quyền quyết định giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú theo quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này.

Thời hạn giữ người và nội dung văn bản yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ được thực hiện theo quy định tại điều ước quốc tế đó.

2. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ mà Việt Nam và nước đó không cùng là thành viên của điều ước quốc tế về dẫn độ thì Bộ Công an kiểm tra tính hợp lệ của văn bản yêu cầu giữ người theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp văn bản yêu cầu giữ người hợp lệ, Bộ Công an chuyển ngay cho cơ quan Công an có thẩm quyền quyết định giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú theo quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này.

Thời hạn giữ người trong trường hợp khẩn cấp là 45 ngày kể từ ngày đưa vào cơ sở lưu trú.

3. Văn bản yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ quy định tại khoản 2 Điều này gồm các nội dung sau:

- a) Ngày, tháng, năm lập yêu cầu;
- b) Tên, địa chỉ và thông tin liên lạc của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập yêu cầu;
- c) Lý do và mục đích của yêu cầu;
- d) Thông tin về nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu;
- đ) Thông tin về tội danh bị nêu trong yêu cầu và khung hình phạt dự kiến áp dụng đối với người bị yêu cầu hoặc thời gian còn lại người bị yêu cầu phải thi hành án;
- e) Tóm tắt nội dung vụ án là căn cứ đưa ra yêu cầu;

g) Thông tin về quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã ban hành đối với người bị yêu cầu;

h) Cam kết gửi yêu cầu dẫn độ chính thức trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày lập văn bản yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ;

i) Cam kết bồi thường thiệt hại trong trường hợp có oan, sai đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ;

k) Cam kết các thông tin và tài liệu nêu trong yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp là chính xác, đúng sự thật; được thu thập và ban hành đúng thẩm quyền; tuân thủ trình tự, thủ tục của pháp luật nước ngoài;

l) Cam kết người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ và người có tên bị nêu trong các quyết định tố tụng là cùng một người;

m) Cam kết người bị yêu cầu phạm tội hình sự thông thường, không phải là tội phạm liên quan đến chính trị hoặc tội phạm liên quan đến quân sự theo quy định tại các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Người có thẩm quyền thuộc cơ quan Công an quyết định giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm:

a) Cục trưởng các cục nghiệp vụ có thẩm quyền thuộc Bộ Công an;

b) Giám đốc Công an tỉnh, thành phố;

c) Trưởng phòng nghiệp vụ có thẩm quyền thuộc Công an tỉnh, thành phố.

5. Người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này có thể giao quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ và đưa vào cơ sở lưu trú khi vắng mặt. Quyết định giao quyền phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó phải xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền này cho người khác.

6. Quyết định giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú theo quy định tại Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó có một bản giao cho người bị giữ và phải ghi rõ các nội dung sau:

a) Giờ, ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Họ tên, cấp bậc, chức vụ, cơ quan, đơn vị của người ra quyết định;

c) Căn cứ ra quyết định giữ người, điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng; lý do giữ người;

- d) Quốc tịch, số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu;
- đ) Thời hạn giữ người; cơ sở lưu trú nơi giữ người;
- e) Chữ ký, dấu cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định giữ người.

7. Cơ sở lưu trú quy định tại Điều này bao gồm:

- a) Cơ sở lưu trú của Bộ Công an;
- b) Cơ sở lưu trú do Bộ Công an chỉ định.

8. Quyền, nghĩa vụ, chế độ của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ và vấn đề khác có liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật.

9. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này.

Điều 34. Dẫn độ đơn giản

1. Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ có đơn đồng ý với việc bị dẫn độ ra nước ngoài, trên cơ sở ý kiến của Bộ Công an, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền xem xét áp dụng hoặc không áp dụng thủ tục dẫn độ đơn giản.

2. Trình tự, thủ tục áp dụng thủ tục dẫn độ đơn giản được thực hiện như sau:

a) Tòa án nhân dân thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 28 của Luật này;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn đồng ý bị dẫn độ của người bị yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân xác minh người bị yêu cầu dẫn độ tự nguyện đồng ý việc bị dẫn độ và nhận thức đầy đủ về hậu quả pháp lý của việc bị dẫn độ;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc xác minh sự đồng ý bị dẫn độ, Tòa án nhân dân mở phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ theo quy định tại Điều 29 của Luật này mà không phải ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 28 của Luật này.

Điều 35. Thi hành quyết định dẫn độ

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định dẫn độ của Tòa án nhân dân có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền đã ra quyết định sơ thẩm ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ. Quyết định thi hành quyết định dẫn độ phải được gửi đến Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu dẫn độ, người bị dẫn độ và người đại diện hợp pháp của người đó (nếu có). Việc gửi quyết định thi hành quyết định dẫn độ cho nước yêu cầu dẫn độ được thực hiện thông qua Bộ Công an.

2. Sau khi nhận được quyết định thi hành quyết định dẫn độ, Bộ Công an tổ chức thi hành theo trình tự sau đây:

a) Chỉ đạo cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành bắt người bị dẫn độ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự;

b) Thống nhất với nước yêu cầu dẫn độ về thời gian, địa điểm chuyển giao người bị dẫn độ;

c) Chỉ đạo việc chuyển giao người bị dẫn độ, tài liệu, đồ vật, tài sản theo quy định tại Điều 36 và Điều 37 của Luật này.

Điều 36. Chuyển giao người bị dẫn độ

1. Cơ quan Công an có thẩm quyền tổ chức việc áp giải người bị dẫn độ theo thời gian, địa điểm chuyển giao đã thỏa thuận giữa Việt Nam và nước ngoài. Việc áp giải người bị dẫn độ thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Thời hạn chuyển giao người bị dẫn độ là 30 ngày kể từ ngày quyết định thi hành quyết định dẫn độ có hiệu lực. Trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng thì thời gian và địa điểm chuyển giao người bị dẫn độ do Bộ Công an và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trao đổi, thống nhất.

3. Trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, nếu nước yêu cầu dẫn độ không tiếp nhận người bị dẫn độ mà không có lý do chính đáng thì Bộ Công an kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ hủy quyết định thi hành quyết định dẫn độ và quyết định dẫn độ, trả tự do cho người bị dẫn độ và thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ. Các quyết định nêu trên được gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

4. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết Điều này.

Điều 37. Chuyển giao tài liệu, đồ vật, tài sản

Trường hợp cần phải chuyển giao tài liệu, đồ vật, tài sản liên quan đến người bị dẫn độ cho nước yêu cầu dẫn độ thì Bộ Công an chuyển giao tài liệu, đồ vật, tài sản đó cho nước yêu cầu dẫn độ phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước yêu cầu dẫn độ là thành viên trên cơ sở tôn trọng quyền của bên thứ ba tại thời điểm chuyển giao người bị dẫn độ hoặc vào thời điểm khác theo thỏa thuận với nước yêu cầu dẫn độ. Đối với những tài liệu, đồ vật, tài sản không thể chuyển giao mà buộc phải tiêu hủy thì Bộ Công an thông báo cho nước yêu cầu

dẫn độ và đề nghị cơ quan bảo quản tài liệu, đồ vật, tài sản đó tiêu hủy theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 38. Hoãn thi hành quyết định dẫn độ và tiếp tục thi hành quyết định dẫn độ

1. Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đã có quyết định thi hành quyết định dẫn độ mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt trên lãnh thổ Việt Nam về tội không phải là tội bị yêu cầu dẫn độ thì Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ tự mình hoặc theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Công an có thẩm quyền đang truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc cơ quan quản lý thi hành án hình sự đối với người bị yêu cầu dẫn độ ra quyết định hoãn thi hành quyết định dẫn độ người đó. Thời hạn hoãn thi hành quyết định dẫn độ chấm dứt khi kết thúc quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành xong toàn bộ hoặc một phần hình phạt đã tuyên.

Quyết định hoãn thi hành quyết định dẫn độ được gửi cho Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định. Bộ Công an thông báo ngay bằng văn bản cho nước yêu cầu dẫn độ về việc hoãn thi hành quyết định dẫn độ.

2. Khi hết thời hạn hoãn thi hành quyết định dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều này, Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định hoãn thi hành quyết định dẫn độ hủy quyết định hoãn và cho tiếp tục thi hành quyết định dẫn độ; đồng thời gửi quyết định kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan cho Bộ Công an để tiếp tục thi hành theo thỏa thuận với nước yêu cầu dẫn độ. Trình tự, thủ tục tiếp tục thi hành quyết định dẫn độ được thực hiện theo quy định tại các điều 35, 36 và 37 của Luật này.

3. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết Điều này.

Điều 39. Dẫn độ tạm thời

1. Trường hợp việc hoãn thi hành quyết định dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật này cản trở việc truy cứu trách nhiệm hình sự ở nước ngoài do hết thời hiệu hoặc gây khó khăn nghiêm trọng cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự về tội bị yêu cầu dẫn độ thì theo đề nghị của nước yêu cầu dẫn độ thông qua Bộ Công an, trên cơ sở ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan Công an có thẩm quyền đang truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc cơ quan quản lý thi hành án hình sự đối với người bị yêu cầu dẫn độ, Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định hoãn dẫn độ có thể ra quyết định dẫn độ tạm thời người bị yêu cầu

dẫn độ cho nước yêu cầu dẫn độ. Việc thi hành quyết định dẫn độ tạm thời được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại các điều 35, 36 và 37 của Luật này.

2. Người bị dẫn độ tạm thời phải được chuyển giao lại ngay cho Việt Nam sau khi quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự tại nước yêu cầu dẫn độ kết thúc hoặc hết thời hạn yêu cầu dẫn độ tạm thời mà Việt Nam và nước yêu cầu dẫn độ đã thỏa thuận để tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với người bị yêu cầu dẫn độ tại Việt Nam. Quyết định dẫn độ tạm thời hết hiệu lực khi người bị dẫn độ tạm thời được chuyển giao về Việt Nam.

3. Trường hợp nước yêu cầu dẫn độ không có yêu cầu dẫn độ mới, sau khi kết thúc quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với người bị yêu cầu dẫn độ tại Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định dẫn độ tạm thời cho tiếp tục thực hiện quyết định thi hành quyết định dẫn độ. Trường hợp nước yêu cầu dẫn độ có yêu cầu dẫn độ mới thì theo đề nghị của Bộ Công an, Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định dẫn độ tạm thời hủy quyết định dẫn độ, quyết định thi hành quyết định dẫn độ để xem xét, giải quyết yêu cầu dẫn độ mới theo quy định của Luật này nếu có lý do chính đáng.

Điều 40. Dẫn độ lại

Trường hợp người đã bị dẫn độ trốn tránh việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án ở nước ngoài và quay trở lại Việt Nam thì nước yêu cầu dẫn độ có thể đưa ra yêu cầu dẫn độ lại người đó kèm theo hồ sơ quy định tại Điều 26 của Luật này. Trong trường hợp này, Tòa án nhân dân đã ra quyết định sơ thẩm ra quyết định dẫn độ lại đối với người đó mà không tiến hành thủ tục xem xét yêu cầu dẫn độ quy định tại Điều 29 của Luật này.

Việc thi hành quyết định dẫn độ lại được thực hiện theo quy định tại các điều 35, 36 và 37 của Luật này.

Điều 41. Từ chối dẫn độ

1. Tòa án nhân dân có thẩm quyền phải từ chối dẫn độ nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Không phù hợp với nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật này;
- b) Tội phạm bị yêu cầu dẫn độ không đáp ứng quy định tại Điều 7 của Luật này;
- c) Người bị yêu cầu dẫn độ là công dân Việt Nam;
- d) Hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc hết thời hiệu thi hành bản án đối với người bị yêu cầu dẫn độ theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- đ) Người bị yêu cầu dẫn độ đã bị Tòa án của Việt Nam kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc được tuyên không có tội hoặc được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc được miễn thi hành hình phạt về hành vi phạm tội

được nêu trong yêu cầu dẫn độ hoặc vụ án đã bị đình chỉ theo quy định của pháp luật Việt Nam;

e) Người bị yêu cầu dẫn độ có nguy cơ bị truy bức, tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người ở nước yêu cầu dẫn độ;

g) Yêu cầu dẫn độ được đưa ra vì lý do chủng tộc, tôn giáo, giới tính, quốc tịch, nguồn gốc dân tộc, thành phần xã hội hoặc quan điểm chính trị của người bị yêu cầu dẫn độ hoặc vì lý do này mà người đó có thể bị đối xử không công bằng trong quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành bản án đối với người đó.

2. Tòa án nhân dân có thẩm quyền có thể từ chối dẫn độ nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tội phạm bị nêu trong yêu cầu dẫn độ là tội phạm có liên quan đến chính trị hoặc liên quan đến quân sự theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Người bị yêu cầu dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự ở Việt Nam về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ.

3. Trường hợp có căn cứ chắc chắn người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp bắt buộc từ chối dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều này thì Bộ Công an thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản này.

Điều 42. Xử lý trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài

1. Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài để truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu nước ngoài có yêu cầu, việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với người đó được thực hiện theo quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và pháp luật về tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài để thi hành án, nếu nước ngoài có yêu cầu, Tòa án nhân dân đã ra quyết định từ chối dẫn độ có thể xem xét yêu cầu của nước ngoài về công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án hình sự của tòa án nước ngoài theo quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự và pháp luật về tương trợ tư pháp về hình sự.

Điều 43. Xử lý trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ người nước ngoài cho nước ngoài

Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ người nước ngoài cho nước ngoài, nếu nước ngoài có yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đó, Bộ

Công an chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, có thể áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Luật Tương trợ tư pháp số 08/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp chuyển tiếp quy định tại Điều 45 của Luật này, Điều 48 của Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, khoản 1 Điều 42 của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự và khoản 1 Điều 38 của Luật Tương trợ tư pháp về dân sự.

Điều 45. Điều khoản chuyển tiếp

Các yêu cầu dẫn độ mà Bộ Công an lập hoặc tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp số 08/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15. 

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
Đã ký: Trần Thanh Mẫn

VĂN PHÒNG
CHỦ TỊCH NƯỚC

Số: 90 /SY-VPCTN

SAO Y BẢN CHÍNH
Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2025

KT. CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM




Phạm Thanh Hà